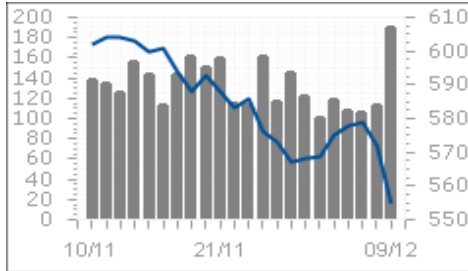


HOSE

09/12/2014

VNINDEX	555.30	-16.37	-2.86%
KLGD	191,552,910	CP	
GTGD	3,194.74	Tỷ	
GTR NDTNN	-	7.58	Tỷ
CP Tăng giá	31	CP	
CP Giảm giá	220	CP	
CP Đứng giá	53	CP	



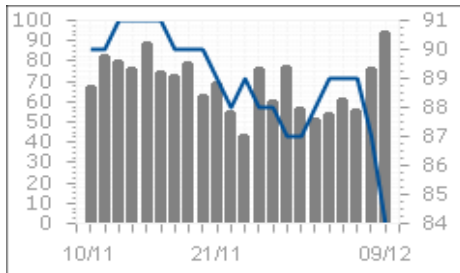
Tâm điểm

- ▶ **Nhiều cổ phiếu bị bán tháo đặc biệt nhóm cổ phiếu ngành dầu khí**
- ▶ **Lực cầu bắt đáy tăng nhưng nhiều cổ phiếu dư bán sàn**
 ĐĐT Nước ngoài bán ròng trở lại trên HNX và HOSE
- ▶ **Vốn ngân hàng đang chảy vào đâu?**
 Dự nợ tín dụng của các ngân hàng có mức tăng trưởng cao trong 11 tháng
 Báo Đầu tư
- ▶ **TPHCM: GDP bình quân đầu người ước đạt 5.100 USD/người trong 2014**
 GDP năm 2014 tăng trưởng 9,5% cùng kỳ chỉ tăng 9,3%
 DVO
- ▶ **Suy thoái kinh tế có thể tái diễn vì giá dầu**
 Ngân hàng này cho rằng giá sẽ rơi xuống 43 USD quý II năm tới
 CNBC
- ▶ **Mất xích quan trọng trong chuỗi cảng biển của Gemadept hoạt động thế nào?**
 Gemadept ước tính doanh thu của Nam Hải Đình Vũ đạt 300 tỷ đồng
 Vietstock
- ▶ **TNA đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 2014**
 Lợi nhuận trước thuế 11 tháng 2014 đạt 47,5 tỷ đồng, bằng 107% cùng kỳ
 Gafin

HNX

09/12/2014

HNXINDEX	83.85	-3.32	-3.81%
KLGD	95,266,955	CP	
GTGD	1,240.48	Tỷ	
GTR NDTNN	0.31	Tỷ	
CP Tăng giá	53	CP	
CP Giảm giá	184	CP	
CP Đứng giá	142	CP	



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,032,190	14.0	2.8	18.0%	9.4%
HNX	144,707	14.0	1.8	8.7%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,176,897	14.3	2.7	17.8%	9.0%

Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,190	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,995	9.5	1.5	17.0%	10.5%
Khai khoáng	38,362	13.1	2.0	22.2%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,504	89.7	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,732	14.1	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	33,188	32.3	1.2	-0.1%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,726	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,706	8.5	1.5	18.5%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,200	10.5	2.7	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,223	10.9	2.0	21.5%	7.4%
Dược phẩm	189,852	24.2	4.6	18.5%	14.3%
Phần mềm	15,694	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,925	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,779	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	159,996	13.1	4.2	32.3%	21.9%
Môi giới chứng khoán	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,323	12.1	1.5	11.1%	7.6%
Bất động sản	250,355	11.8	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	164,744	16.1	2.5	17.6%	4.5%
	37,461	8.5	1.8	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	603.85	-16.02	-2.58%
HNX30	165.21	-9.11	-5.23%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Vốn ngân hàng đang chảy vào đâu?

TPHCM: GDP bình quân đầu người ước đạt 5.100 USD/người trong 2014

Suy thoái kinh tế có thể tái diễn vì giá dầu

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Mắt xích quan trọng trong chuỗi cảng biển của Gemadept hoạt động thế nào?

TNA đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 2014

SSI phát hành cổ phiếu ESOP với giá 22.700 đồng/cổ phiếu

Tin kinh tế

Dư nợ tín dụng của các ngân hàng có mức tăng trưởng cao trong 11 tháng qua chủ yếu từ khối khách hàng cá nhân, vay nhỏ lẻ. Dù tín dụng tăng trưởng rất chậm trong những tháng đầu năm, nhiều ngân hàng kêu ứ vốn, nhưng đến thời điểm 30/11/2014, theo công bố của Ngân hàng Nhà nước, tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng đối với nền kinh tế đã tăng 10,22% so với cuối năm 2013. Mục tiêu tăng trưởng 12-14% cả năm không còn xa. Theo nhận định một số chuyên gia ngân hàng, sự hấp thụ vốn của nền kinh tế còn khá yếu, chất lượng các khoản vay chưa cao.

Trong phiên họp sáng ngày 9/12/2014, kỳ họp thứ 16, Hội đồng Nhân dân TPHCM khóa VIII, ông Hứa Ngọc Thuận – Phó chủ tịch UBND TPHCM cho biết GDP năm 2014 tăng trưởng 9,5% (cùng kỳ chỉ tăng 9,3%). Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực trong đó dịch vụ chiếm 59,2% tổng GDP của thành phố, công nghiệp – xây dựng chiếm 39,77%. GDP bình quân đầu người đạt 5.100 USD/người, tăng 13,5% so với năm 2013. CPI ước cả năm tăng khoảng 3% so với tháng 12/2013, thấp hơn so với cùng kỳ tăng 5,2%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 250.000 tỷ đồng, chiếm 28,5% GDP. Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt hơn 32 tỷ USD, tăng 8,8%; nhập khẩu ước đạt 25,9%, tăng 0,3% so với cùng kỳ.

Hôm qua, Morgan Stanley đã giảm dự báo giá dầu Brent cho 4 năm tới. Theo kịch bản tệ nhất, ngân hàng này cho rằng giá sẽ rơi xuống 43 USD quý II năm tới và phục hồi nhẹ lên 48 USD quý sau đó. Liệu giá dầu sẽ tụt xuống mức 40 USD? 24/7 Wall Street cho rằng nếu Ả-rập Xê-út và các nước OPEC vẫn tiếp tục chính sách đua tranh hiện tại, giá hoàn toàn có thể giảm tới mức đó. Còn hiện nay, giá dầu giảm sẽ khiến kinh tế đi xuống. Vì khi đó, động lực cho các công ty tìm kiếm thêm mỏ dầu mới sẽ suy yếu. Morgan Stanley dự báo "hoạt động khai thác – sản xuất sẽ chậm lại đáng kể, và nếu động thái can thiệp đủ nhanh và quy mô rộng, giá có thể bật lên ngay từ nửa cuối năm sau".

Tin doanh nghiệp

Gemadep (HOSE: Mã GMD) cho biết cảng Nam Hải Đình Vũ là mắt xích quan trọng trong chuỗi cảng biển của công ty từ Bắc đến Nam. Trong năm 2014, Gemadep ước tính doanh thu của Nam Hải Đình Vũ đạt 300 tỷ đồng, lợi nhuận sẽ vượt 20% kế hoạch năm đề ra. Đến năm 2015, Nam Hải Đình Vũ có kế hoạch đầu tư thêm 1 cầu bán lóp vào tháng 02/2015 và 1 cầu QC vào tháng 10/2015, mở rộng hoàn thiện hơn nữa các cơ sở hạ tầng dịch vụ phụ trợ kho, bãi depot,...Được biết, trong 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của Gemadep đạt 2,094 tỷ đồng, tăng gần 15% so cùng kỳ và đạt 79% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 666 tỷ đồng, gấp 3.5 lần cùng kỳ và vượt 11% kế hoạch năm (600 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế ở mức 534 tỷ đồng.

CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (mã TNA – HOSE) vừa công bố kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng đầu năm 2014 với gần 1.500 tỷ đồng doanh thu, tương đương với con số cùng kỳ 2013 và hoàn thành 103% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế 11 tháng 2014 đạt 47,5 tỷ đồng, bằng 107% cùng kỳ và hoàn thành 105,5% kế hoạch năm. Với kết quả này, TNA đã hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Đồng thời, TNA cũng đã hoàn thành trước kế hoạch 45 ngày việc đầu tư xây dựng Dự án Tòa nhà Thiên Nam số 277B Cách Mạng Tháng 8, phường 12, quận 10 với quy mô 2 hầm và 6 tầng, với tổng kinh phí xây dựng trên 100 tỷ đồng.

Theo Quyết định ngày 8/12/2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (mã SSI), giá phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) là 22.700 đồng. Giá phát hành được tính bằng 75% giá đóng cửa trung bình 7 ngày giao dịch liền trước ngày 8/12/2014 và được làm tròn xuống đến hàng trăm. Số lượng cổ phiếu chào bán ESOP là 2.316.800 đồng, tương ứng SSI sẽ thu về 52,59 tỷ đồng. Đây là lượng cổ phiếu còn lại trong kế hoạch phát hành 5 triệu cổ phiếu ESOP được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

HOSE 09/12/2014 VNINDEX

Nhiều cổ phiếu bị bán tháo đặc biệt nhóm cổ phiếu ngành dầu khí

VN-Index hình thành cây nến đen dài giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 560 điểm, đây là tín hiệu xấu cho thấy lực bán ra rất mạnh mẽ.

- VN-Index giảm mạnh và chạm Bollinger band dưới, khi chỉ số giảm qua đường này sẽ có xu hướng quay lại.

- MACD quay đầu giảm trước khi có tín hiệu cắt với đường tín hiệu, xu hướng giảm vẫn là chủ đạo.

- RSI (14) đã giảm xuống 28 cho thấy thị trường đã đi vào vùng quá bán.

- VNIndex có thể còn giảm điểm nhưng đã đi vào vùng quá bán do vậy có thể hồi lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.5 (-4.4%)	18,460,630
ITA	-0.5 (-5.7%)	11,729,190
SSI	-1.1 (-3.7%)	5,988,640
VHG	-0.9 (-6.4%)	5,884,020
OGC	-0.4 (-4.9%)	5,688,370

HOSE Top 5 theo % tăng

HRC	2.8 (6.8%)	120
HOT	1.7 (6.7%)	60
TNA	1.7 (6.3%)	110
CYC	0.2 (5.1%)	5,400
GMD	1.5 (4.8%)	801,180

HOSE Top 5 theo % giảm

BT6	-0.7 (-7.0%)	38,290
LAF	-1 (-7.0%)	176,560
PXL	-0.3 (-7.0%)	988,240
PXS	-1.8 (-6.9%)	1,092,940
CCI	-1.1 (-6.9%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	36,9 tỷ	434,820
VCB	14,6 tỷ	456,790
DPM	13,8 tỷ	447,030
HVG	7,3 tỷ	243,490
MWG	7,0 tỷ	70,520

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-39,7 tỷ	608,540
HPG	-33,8 tỷ	638,810
HAG	-27,1 tỷ	1,180,980
KDC	-17,5 tỷ	352,360
GAS	-11,9 tỷ	156,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-113,380	- 7.58

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí bị bán mạnh khiến áp lực bán ra ngày càng gia tăng về cuối phiên. Nhiều cổ phiếu bị bán giải chấp.
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước do lực cung ở giá thấp tăng, cầu vào bắt đáy tăng lên nhưng nhiều cổ phiếu vẫn dư bán giá sàn.
- ▶ Khối ngoại tích cực giao dịch với lượng giá trị mua vào đạt 232 tỷ đồng và bán ra 239 tỷ đồng. Gần đây khối ngoại mua bán khá cân bằng.
- ▶ Lực bán giải chấp còn lớn nhưng VNIndex đã đi vào vùng quá bán nên có thể có nhịp hồi lại ở cuối hoặc phiên sau nữa khi cung bán tháo được hấp thụ.
- ▶ NĐT có thể canh mua vào những cổ phiếu cơ bản tốt, dự kiến được hưởng lợi từ giá xăng dầu giảm.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	75.5	143,072.50	13.3	4.3	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	98.5	98,511.68	17.1	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	31.6	84,214.64	18.2	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.8	69,527.73	18.3	3.9	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.2	52,872.34	9.9	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	52.0	25,059.23	8.3	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	36.5	24,837.21	20.2	2.1	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.2	20,793.71	8.6	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
HAG	789.9	22.5	17,772.73	9.9	1.3	29.5	MUA
KBC	389.8	15.5	6,041.28	15.3	1.2	NA	TH.DOI
HCM	127.2	33.0	4,198.58	10.6	1.9	NA	TH.DOI
VCB	2,665.0	31.6	84,214.64	18.2	1.9	19.4	BAN
SSI	353.8	29.0	10,260.05	14.8	1.9	NA	TH.DOI
TDC	100.0	11.2	1,120.00	7.2	1.1	NA	TH.DOI

HNX

09/12/2014

HNX-Index

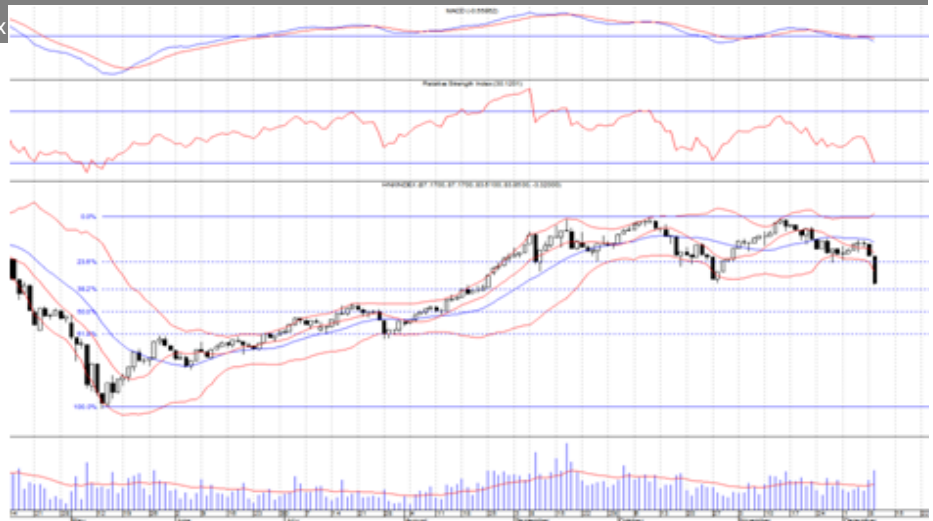
Nhiều cổ phiếu bị bán tháo đặc biệt nhóm cổ phiếu ngành dầu khí

HNX-Index hình thành cây nến đen giảm mạnh về vùng đáy cũ 83 điểm.

- Chỉ số đã giảm qua đường Bollinger band dưới, khi chỉ số giảm qua đường này sẽ có xu hướng quay lại.

- RSI giảm xuống mức 30 cho thấy thị trường đã đi vào vùng quá bán.

- HNXINDEX có thể còn giảm điểm nhưng chỉ số đã đi vào vùng quá bán do vậy có thể hồi lại khi lực cung giải chấp được hấp thụ.



HNX Top 5

theo KLGD

KLF	-1.3 (-9.6%)	13,605,320
PVX	-0.5 (-8.3%)	11,099,970
PVS	-3 (-9.8%)	6,487,950
SCR	-0.7 (-6.5%)	6,241,870
SHB	-0.3 (-3.4%)	5,642,520

HNX Top 5

theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
DST	0.9 (10.0%)	15,100
KTS	1.2 (9.9%)	500
CAN	2.8 (9.8%)	3,700
SDC	1.3 (9.4%)	400

HNX Top 5

theo % giảm

L43	-0.6 (-10.0%)	200
PCT	-0.8 (-10.0%)	228,700
PVC	-2.8 (-9.9%)	3,909,340
CPC	-2.5 (-9.9%)	100
FIT	-2.5 (-9.8%)	2,507,400

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

VND	4,0 tỷ	306,000
DBC	1,6 tỷ	56,800
PVC	1,2 tỷ	45,100
SHB	0,9 tỷ	108,520
PPE	0,9 tỷ	93,000

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

PVS	-8,5 tỷ	299,600
PGS	-1,5 tỷ	48,200
LAS	-0,4 tỷ	11,000
KLF	-0,3 tỷ	26,600
KSQ	-0,2 tỷ	28,600

GD NDTNN

KL Ròng

GT Ròng (tỷ)

HNX	302,876	0.31
-----	---------	------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí bị bán mạnh khiến áp lực bán ra ngày càng gia tăng về cuối phiên. Nhiều cổ phiếu bị bán giải chấp.
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước do lực cung ở giá thấp tăng, cầu vào bắt đáy tăng lên nhưng nhiều cổ phiếu vẫn dư bán giá sàn.
- ▶ Khối ngoại giao dịch khá cân bằng khi mua 15,7 tỷ đồng và bán ra 16 tỷ đồng. VND, SHB được mua ròng mạnh trong khi họ bán mạnh PVS.
- ▶ Lực bán giải chấp còn lớn nhưng VNIndex đã đi vào vùng quá bán nên có thể có nhịp hồi lại ở cuối hoặc phiên sau nữa khi cung bán tháo được hấp thụ.
- ▶ NĐT có thể canh mua vào những cổ phiếu cơ bản tốt, dự kiến được hưởng lợi từ giá xăng dầu giảm.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.3	13,919.64	26.3	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.6	12,328.93	8.2	1.6	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.7	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.4	5,918.92	9.6	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	13.1	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.0	2.0	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	32.0	2,490.62	7.1	2.0	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
AAA	39.6	16.3	645.48	6.6	1.2	NA	TH.DOI
BVS	72.2	14.1	1,018.36	11.1	0.8	NA	TH.DOI
DBC	62.7	28.1	1,763.05	9.5	1.0	NA	TH.DOI
PLC	70.3	31.1	2,185.07	10.4	2.0	NA	TH.DOI
ICG	20.0	8.3	166.00	12.2	0.7	NA	TH.DOI
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.7	0.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.79%	84.5	- 488.78	4.34	143,484	110,978	182,299
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	12.97%	47.8	18.28	3.86	968,903	1,061,184	1,703,015
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	9.83%	65.0	8.79	1.90	1,111,486	766,616	619,999
HPG	HOSE	481.9	25,059.23	11.70%	52.0	8.31	2.29	514,887	451,225	598,406
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	7.43%	22.5	9.87	1.28	3,247,250	2,890,783	3,890,617
KDC	HOSE	255.2	12,247.73	6.11%	48.0	20.97	1.92	950,498	1,319,729	940,277
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	5.84%	18.2	8.63	1.19	198,062	220,177	377,330
VCB	HOSE	2,665.0	84,214.64	5.72%	31.6	18.20	1.93	567,744	379,789	413,228
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.32%	30.6	9.84	1.28	951,548	663,960	679,930
KBC	HOSE	389.8	6,041.28	2.92%	15.5	15.26	1.23	2,469,020	3,760,176	4,881,851
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	2.87%	8.2	51.22	0.79	5,841,910	6,455,883	6,423,076
HSG	HOSE	96.3	4,709.71	1.94%	48.9	11.55	1.99	107,974	111,763	307,550
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	1.87%	36.5	20.19	2.12	185,781	189,951	262,803
HVG	HOSE	132.0	3,827.99	1.55%	29.0	13.90	1.68	778,377	1,102,922	1,698,603
FLC	HOSE	314.9	3,432.34	1.63%	10.9	6.69	0.95	16,987,787	21,221,567	16,002,832
PPC	HOSE	318.2	8,526.54	1.58%	26.8	11.84	1.60	302,054	229,602	451,509
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	1.31%	50.5	12.86	3.10	115,818	83,734	138,004
PVT	HOSE	255.9	4,093.72	1.41%	16.0	14.81	1.43	2,462,257	2,356,396	2,281,921
CSM	HOSE	67.3	2,832.99	1.32%	42.1	8.33	2.28	45,579	77,598	182,300
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.44	1.05	303,501	324,433	469,261
OGC	HOSE	300.0	2,310.00	0.52%	7.7	14.10	0.75	5,104,216	5,662,969	5,551,011

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	9.07%	84.5	- 488.78	4.34	143,484	110,978	182,299
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	7.92%	47.8	18.28	3.86	968,903	1,061,184	1,703,015
VCB	HOSE	2,665.0	84,214.64	8.56%	31.6	18.20	1.93	567,744	379,789	413,228
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	6.70%	18.2	8.63	1.19	198,062	220,177	377,330
PVS	HNX	446.7	12,328.93	4.44%	27.6	8.24	1.57	2,985,901	2,219,981	2,996,015
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	4.53%	36.5	20.19	2.12	185,781	189,951	262,803
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.59%	30.6	9.84	1.28	951,548	663,960	679,930
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	3.92%	22.5	9.87	1.28	3,247,250	2,890,783	3,890,617
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	3.08%	65.0	8.79	1.90	1,111,486	766,616	619,999
PPC	HOSE	318.2	8,526.54	3.50%	26.8	11.84	1.60	302,054	229,602	451,509
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	3.24%	8.2	51.22	0.79	5,841,910	6,455,883	6,423,076
FLC	HOSE	314.9	3,432.34	2.74%	10.9	6.69	0.95	16,987,787	21,221,567	16,002,832
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.69%	8.6	9.74	0.76	3,514,602	3,090,796	4,064,027
VCG	HNX	441.7	5,918.92	2.36%	13.4	9.56	1.12	1,929,161	1,666,082	1,640,342
PVT	HOSE	255.9	4,093.72	1.77%	16.0	14.81	1.43	2,462,257	2,356,396	2,281,921
OGC	HOSE	300.0	2,310.00	1.34%	7.7	14.10	0.75	5,104,216	5,662,969	5,551,011
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	0.94%	50.5	12.86	3.10	115,818	83,734	138,004
IJC	HOSE	274.2	3,646.79	0.69%	13.3	22.82	1.34	763,901	633,467	847,443
PVX	HNX	400.0	2,200.00	0.00%	5.5	- 2.62	2.60	4,992,235	5,567,072	7,366,694

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	0.00%	47.8	18.28	3.86	968,903	1,061,184	1,703,015
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	-488.78	4.34	143,484	110,978	182,299
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	0.00%	30.6	9.84	1.28	951,548	663,960	679,930
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	0.00%	22.5	9.87	1.28	3,247,250	2,890,783	3,890,617
VCB	HOSE	2,665.0	84,214.64	0.00%	31.6	18.20	1.93	567,744	379,789	413,228
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.00%	18.2	8.63	1.19	198,062	220,177	377,330
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	0.00%	36.5	20.19	2.12	185,781	189,951	262,803
CTG	HOSE	3,723.4	52,872.34	0.00%	14.2	9.87	0.98	281,796	191,917	293,769
GAS	HOSE	1,895.0	143,072.50	0.00%	75.5	13.31	4.34	658,774	494,214	448,936

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	1.18%	84.5	-488.78	4.34	143,484	110,978	182,299
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	1.17%	47.8	18.28	3.86	968,903	1,061,184	1,703,015
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	0.45%	65.0	8.79	1.90	1,111,486	766,616	619,999
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.39%	18.2	8.63	1.19	198,062	220,177	377,330
VCB	HOSE	2,665.0	84,214.64	0.36%	31.6	18.20	1.93	567,744	379,789	413,228
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	0.00%	36.5	20.19	2.12	185,781	189,951	262,803

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

09 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,190	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,995	9.5	1.5	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,913	15.4	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	937	6.8	1.1	14.2%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,362	13.1	2.0	22.2%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,993	3.7	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,504	89.7	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,732	14.1	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	33,188	32.3	1.2	-0.1%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,247	9.8	1.1	15.6%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,147	7.6	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,704	14.7	0.6	7.0%	3.3%
Thiết bị điện	2,181	33.8	1.4	2.8%	0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	78	25.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,726	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,014	3.6	1.1	5.1%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,706	8.5	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	7,108	7.7	1.6	23.3%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,800	11.5	1.9	15.8%	10.6%
Đào tạo & Việc làm	254	13.2	0.8	6.8%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.2%	4.8%
Chất thải & Môi trường	213	3.2	1.0	33.9%	15.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,471	14.8	1.5	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,200	10.5	2.7	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,732	7.7	1.4	17.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	311	15.6	2.1	14.7%	9.8%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,223	10.9	2.0	21.5%	7.4%
Thực phẩm	189,852	24.2	4.6	18.5%	14.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	20.9	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,175	8.6	1.5	19.5%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	528	63.7	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,784	8.9	1.7	19.3%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,398	10.8	2.0	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	697	10.0	1.1	1.9%	4.8%

09 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	9.5	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	246	10.5	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,694	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	267	-	42.4	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	733	10.2	1.2	13.8%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,011	10.4	1.7	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,158	9.5	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,651	55.4	2.5	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,092	21.7	1.5	10.0%	8.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,720	18.3	3.5	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	770	11.5	0.9	8.9%	3.3%
Internet	363	76.6	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,925	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	476	16.2	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	300	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,275	35.4	6.7	33.4%	11.2%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,779	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	159,996	13.1	4.2	32.3%	21.9%
Nước	1,271	6.8	1.1	17.1%	11.8%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,598	9.5	1.1	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,923	11.8	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,661	15.3	0.9	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,323	12.1	1.5	11.1%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	250,355	11.8	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	164,744	16.1	2.5	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,461	8.5	1.8	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.